

## BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 07

(Một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 07/2020)

### MỤC LỤC

I. LĨNH VỰC THUẾ, TÀI CHÍNH .....	02
1. Luật Quản lý thuế 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020) .....	02
2. Luật Kiểm toán Nhà nước sửa đổi năm 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020).....	03
3. Thông tư 92/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 72/2014/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020) .....	04
II. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP .....	06
1. Luật Kiến trúc 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020) .....	06
2. Nghị định 53/2020/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020) .....	06
III. LĨNH VỰC TƯ PHÁP .....	07
1. Luật Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020) .....	07
THƯ NGŨ .....	09

## I. LĨNH VỰC THUẾ, TÀI CHÍNH

### 1. Luật Quản lý thuế 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020)

✚ Phạm vi điều chỉnh: Luật Quản lý thuế 2019 quy định việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

✚ Luật Quản lý thuế 2019 áp dụng đối với các đối tượng sau: **(1)** Người nộp thuế (Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước; Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế) **(2)** Cơ quan quản lý thuế (Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực; Cơ quan hải quan bao gồm Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục Hải quan) **(3)** Công chức quản lý thuế bao gồm công chức thuế, công chức hải quan **(4)** Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

✚ Luật Quản lý thuế 2019 kéo dài thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế Thu nhập cá nhân (TNCN). Theo đó, cho phép cá nhân được nộp hồ sơ quyết toán thuế TNCN chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch. So với Luật Quản lý thuế 2006 thì thời hạn này được kéo dài thêm khoảng 01 tháng (khoản 2 Điều 32 Luật Quản lý thuế 2006 quy định, thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch, hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán năm).

✚ Bổ sung một số quyền của người nộp thuế như: Được nhận văn bản liên quan đến nghĩa vụ thuế của các cơ quan chức năng khi tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; Được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số tiền thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số tiền thuế không được hoàn; Được tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử mà mình đã gửi đến cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và pháp luật về giao dịch điện tử; Được sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với cơ quan quản lý thuế và cơ quan, tổ chức có liên quan; Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

✚ Quy định quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử về kê khai thuế: Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ

trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

✚ Bổ sung chức năng cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ cho đại lý thuế. Đây là quy định cho phép các đại lý thuế thêm chức năng cung cấp dịch vụ kế toán ngoài việc cung cấp dịch vụ đại lý thuế đang thực hiện.

✚ Để quản lý chặt chẽ hành vi trốn thuế Luật Quản lý thuế quy định nguyên tắc kê khai, xác định giá tính thuế đối với giao dịch liên kết như sau:

+ Kê khai, xác định giá giao dịch liên kết theo nguyên tắc phân tích, so sánh với các giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp như trong điều kiện giao dịch giữa các bên độc lập;

+ Giá giao dịch liên kết được điều chỉnh theo giao dịch độc lập để kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp theo nguyên tắc không làm giảm thu nhập chịu thuế.

✚ Chi tiết văn bản tham khảo tại link dưới đây:

<https://luatvietnam.vn/thue/luat-quan-ly-thue-2019-174969-d1.html#chidanthaydoi>

## **2. Luật Kiểm toán nhà nước sửa đổi năm 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020).**

✚ Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Kiểm toán nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán viên nhà nước; quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động kiểm toán nhà nước.

✚ Đối tượng áp dụng: (1) Kiểm toán nhà nước. (2) Cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công (3) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đối với hoạt động kiểm toán nhà nước.

✚ Các nội dung được sửa đổi nổi bật:

+ Sửa đổi khoản 3, Điều 10 về Nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước. Cụ thể: Xem xét, quyết định việc kiểm toán khi (1) Khi có đề nghị của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức không có trong

kế hoạch kiểm toán năm của Kiểm toán nhà nước (2) Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

+ Luật này bổ sung quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán tối đa là 30 ngày, tính từ ngày thụ lý đơn. Trong trường hợp vụ việc có yếu tố phức tạp thì thời hạn này có thể được kéo dài đến 45 ngày. Đối với trường hợp người khiếu nại ở vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại tối đa là 45 ngày và có thể kéo dài đến 60 ngày nếu như vụ việc phức tạp.

+ Người khiếu nại vẫn phải thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước trong quá trình khiếu nại, trừ trường hợp có quyết định đình chỉ thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

+ Bổ sung thêm nhiệm vụ phòng chống, tham nhũng của Kiểm toán Nhà nước và quyền được xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán Nhà nước cũng như quyền kiểm tra, đối chiếu các nội dung, phạm vi kiểm toán của đơn vị được kiểm toán.

✚ Chi tiết văn bản tham khảo tại:

<https://luatvietnam.vn/ke-toan/luat-kiem-toan-nha-nuoc-sua-doi-2019-179049d1.html#chidanthaydoi>

### **3. Thông tư 92/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 72/2014/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020)**

✚ Phạm vi điều chỉnh: Tương tự Thông tư 72/2014/TT-BTC Thông tư 92/2019/TT-BTC quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 và khoản 8 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng qua các cửa khẩu sân bay quốc tế, cảng biển quốc tế có đủ điều kiện quản lý nhà nước về hải quan.

✚ Đối tượng áp dụng bao gồm:

(1) Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh do

nước ngoài cấp còn giá trị và sử dụng giấy tờ đó để nhập xuất cảnh Việt Nam, mua hàng hóa tại Việt Nam và mang theo hàng hóa ra nước ngoài qua các cửa khẩu hoàn thuế.

2) Cơ quan hải quan, công chức hải quan, cơ quan thuế, công chức thuế có liên quan đến việc thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3) Doanh nghiệp được lựa chọn bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh, bao gồm: doanh nghiệp, chi nhánh, cửa hàng của doanh nghiệp, đại lý bán hàng cho doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bán hàng).

4) Ngân hàng thương mại được lựa chọn là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là ngân hàng thương mại).

5) Tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

✚ Thông tư 92/2019/TT-BTC quy định từ 01/7/2020, hàng hóa được hoàn thuế GTGT phải đáp ứng nhiều điều kiện mới là: Hàng hóa mua tại doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai, nguyên kiện khi mua hàng, có hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

Đây là nội dung mới so với Thông tư 72/2014/TT-BTC, theo quy định cũ, hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng chỉ cần là hàng hóa mua tại Việt Nam, có hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh.

✚ Đáng chú ý, để được lựa chọn là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, từ ngày 01/7/2020, doanh nghiệp phải cam kết tham gia vào Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài. Đây là Hệ thống tích hợp, lưu trữ, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân do Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành.

✚ Chi tiết văn bản tham khảo tại:

<https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-92-2019-tt-btc-sua-doi-thong-tu-72-2014-tt-btc-ve-hoan-thue-gia-tri-gia-tang-180457-d1.html#tomtat>

## II. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

### 1. Luật Kiến trúc 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/6/2020)

✚ Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc.

✚ Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

✚ Luật quy định nguyên tắc hoạt động kiến trúc, trong đó nổi bật nguyên tắc Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới. Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Trong đó, bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc gồm đặc điểm, tính chất tiêu biểu, dấu ấn đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa, nghệ thuật; thuần phong mỹ tục của các dân tộc; kỹ thuật xây dựng và vật liệu xây dựng, được thể hiện trong công trình kiến trúc, tạo nên phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam.

✚ Dịch vụ kiến trúc được định nghĩa là loại hình kinh doanh dịch vụ tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng. Bao gồm các hoạt động sau: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc trong đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; Thiết kế kiến trúc cảnh quan; Thiết kế nội thất; Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; Đánh giá kiến trúc công trình; Thẩm tra thiết kế kiến trúc.

✚ Luật Kiến trúc 2019 quy định chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và được sử dụng trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ này chỉ được cấp cho người đáp ứng đủ 03 điều kiện: Có trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc; Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

Sau khi hết thời hạn, người được cấp chứng chỉ phải bảo đảm phát triển nghề nghiệp liên tục và không vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề được làm thủ tục gia hạn chứng chỉ. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc và kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc để bảo đảm chất lượng công trình.



## **2. Nghị định 53/2020/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Văn bản này có hiệu lực từ ngày: 01/7/2020)**

✚ Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về đối tượng chịu phí, tổ chức thu phí, người nộp phí, các trường hợp miễn phí, mức thu phí, xác định số phí phải nộp, kê khai nộp phí, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

✚ Đối tượng chịu phí vệ môi trường theo quy định tại Nghị định này là nước thải công nghiệp thải vào nguồn tiếp nhận nước thải theo quy định pháp luật và nước thải sinh hoạt, trừ trường hợp miễn thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

✚ Từ 2021, phí BVMT đối với nước thải công nghiệp tối thiểu 2,5 triệu đồng/năm

Cụ thể, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.

Bên cạnh đó, mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm dưới 20 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) áp dụng phí cố định tính theo khối lượng nước thải (không áp dụng mức phí biến đổi) như sau:

Thứ nhất, áp dụng mức phí 1,5 triệu đồng cho năm 2020.

Thứ hai, kể từ ngày 01/01/2021 trở đi, áp dụng theo Biểu sau: Lưu lượng nước thải bình quân từ 10 - 20 m<sup>3</sup>/ngày có mức phí là 04 triệu đồng/năm; Từ 5 – 10 m<sup>3</sup>/ngày có mức phí 03 triệu đồng/năm; Dưới 5 m<sup>3</sup>/ngày có mức phí 2,5 triệu đồng/năm.

Đáng chú ý, Chính phủ quy định 07 trường hợp được miễn phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đó là: Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện; Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra; Nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các xã; Nước thải từ nước mưa tự nhiên chảy tràn; Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy sản của ngư dân;...

✚ Chi tiết văn bản tham khảo tại link:

<https://luatvietnam.vn/thue/nghi-dinh-53-2020-nd-cp-phi-bao-ve-moi-truong-doi-voi-nuoc-thai-183128-d1.html>

### **III. LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

**1. Luật Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019 (Văn bản này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020)**

✚ Phạm vi điều chỉnh: Luật này quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

✚ Luật hướng dẫn thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông trong nước mới nhất. Cụ thể, giấy tờ liên quan đến việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước bao gồm: Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi; Hộ chiếu phổ thông cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ Căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất;...

Theo đó, đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thường trú hoặc nơi tạm trú; trường hợp có Thẻ Căn cước công dân thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận tiện. Đề nghị cấp hộ chiếu lần thứ hai thực hiện tại Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh nơi thuận lợi hoặc Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an cấp tỉnh trả kết quả cho người đề nghị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận, Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an trả kết quả cho người đề nghị. Đáng chú ý, nếu trả phí dịch vụ chuyển phát, người đề nghị cấp hộ chiếu có thể yêu cầu nhận kết quả tại địa chỉ mà mình muốn.

✚ Luật quy định các điều kiện xuất cảnh của Công dân Việt Nam gồm: Có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng; đối với hộ chiếu phải còn hạn sử dụng từ đủ 6 tháng trở lên; Có thị thực hoặc giấy tờ xác nhận, chứng minh được nước đến cho nhập cảnh, trừ trường hợp được miễn thị thực; Không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật.

✚ Công dân Việt Nam được nhập cảnh khi có giấy tờ xuất nhập cảnh còn nguyên vẹn, còn thời hạn sử dụng.

✚ Chi tiết văn bản tham khảo tại link:

<https://luatvietnam.vn/xuat-nhap-canhh/luat-xuat-canhh-nhap-canhh-2019-179056-d1.html>



## THƯ NGỎ

### Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế toàn cầu, hàng loạt doanh nghiệp mới được thành lập với nhiều mô hình kinh doanh khác nhau, điều kiện giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước được đẩy lên một tầm cao mới, tạo ra những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp.

Có một thực tế là hiện nay phần lớn các doanh nghiệp phải tập trung toàn bộ trí và lực để tìm kiếm lợi nhuận, quan tâm nhiều đến các yếu tố thương mại nên chưa giành đủ nguồn lực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Từ đó dẫn đến các rủi ro, tranh chấp phát sinh, kéo theo những vụ kiện tụng kéo dài làm tổn hại rất nhiều đến lợi ích kinh tế cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Với hơn 15 năm kế thừa và phát triển trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng, BDS LAW luôn mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro, xử lý một cách chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong hoạt động, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp vững tâm và tập trung vào những mục tiêu chính trên con đường phát triển của mình.

### **Lĩnh vực tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW cho các doanh nghiệp gồm:**

1. Tư vấn soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, thương mại, hợp đồng EPC, EPCC, BCC, BC...; Thẩm định tính pháp lý; Tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng.
2. Tư vấn lựa chọn mô hình tổ chức doanh nghiệp; thủ tục thành lập mới/thay đổi đăng ký hoạt động doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; Tư vấn pháp luật về thuế.
3. Tư vấn về hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp; nhượng quyền thương mại.
4. Tư vấn về đầu tư; hợp tác đầu tư; chuyển nhượng dự án bất động sản.
5. Tư vấn soạn thảo điều lệ, nội quy, quy chế trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
6. Tư vấn pháp luật về đấu thầu, đấu khí, xây dựng, lao động...

### **Việc tư vấn được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các hình thức:**

1. Thư điện tử; điện thoại;
2. Bằng văn bản gửi qua đường bưu điện/Fax;

### 3. Trao đổi, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp.

Với mức phí dịch vụ chỉ từ 500.000đồng/giờ khi lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW thay vì phải tổ chức, vận hành bộ phận pháp chế doanh nghiệp với chi phí tốn kém. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của của doanh nghiệp sẽ được đảm bảo an toàn bởi khung pháp lý chặt chẽ thông qua hoạt động tư vấn, hỗ trợ của BDS LAW.

Ngoài dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên, BDS LAW còn cung cấp dịch vụ pháp lý như: Đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính và tranh tụng tại Tòa án với chi phí hợp lý theo thỏa thuận giữa các bên.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng dịch vụ tận tâm, chuyên nghiệp với sứ mệnh bảo vệ công lý cùng đội ngũ luật sư, chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm, chuyên sâu trong các lĩnh vực tư vấn và tranh tụng, BDS LAW tự tin mang đến sự an tâm và hài lòng cho Quý doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ của chúng tôi.

Trân trọng!

Chủ tịch công ty

Luật sư LÊ NGỌC MINH